

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 7 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 31**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 32/2024/NĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2024 về quản lý phát triển cụm công nghiệp; số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 về Khuyến công; số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 1005/BC-KTNS ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026, với nội dung như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Điều kiện hỗ trợ:

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là CCN) được xem xét hỗ trợ khi bảo đảm các điều kiện sau:

- CCN nằm trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (trừ CCN nằm trên địa bàn các phường và CCN nằm trên địa giới hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, nhưng có diện tích đất của CCN nằm trên địa bàn phường);

- CCN chưa được hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật từ nguồn ngân sách nhà nước;

- Diện tích chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN tối thiểu 10 ha. Riêng CCN làng nghề và CCN trên địa bàn các xã (Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi) tối thiểu 05 ha;

- CCN đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 1 như sau:

“d) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 01 tỷ đồng/ha đối với CCN có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn các xã khu vực miền núi sau: Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Yên Nhân,

Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư, Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông, Hồi Xuân, Nam Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt, Thiên Phủ, Quan Sơn, Trung Hạ, Na Mèo, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy (trừ các CCN có ranh giới tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh); hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/ha đối với CCN thuộc địa bàn các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 tỷ đồng/CCN.

- Hỗ trợ 0,7 tỷ đồng/ha đối với CCN nằm trên địa bàn các xã thuộc khu vực miền núi còn lại và các CCN nằm trên địa bàn các xã khu vực miền núi nêu ở mục trên có ranh giới tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/CCN.

- Hỗ trợ 0,5 tỷ đồng/ha đối với CCN thuộc các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/CCN.

### 3. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 1 như sau:

“đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết này);

- Hợp đồng thuê đất (bản sao chứng thực)”.

### 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi:

a) Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các xã thuộc khu vực miền núi:

- Đối tượng hỗ trợ:

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các xã thuộc khu vực miền núi.

- Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi bảo đảm các điều kiện sau:

+ Dự án chưa được hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã thuộc khu vực miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Dự án đã đi vào sản xuất trên phần diện tích đã được Nhà nước cho thuê đất.

- Nội dung hỗ trợ:

Doanh nghiệp được hỗ trợ một lần kinh phí để thực hiện các công việc: San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 01 tỷ đồng/ha đối với các dự án đầu tư có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn các xã khu vực miền núi: Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Yên Nhân, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư, Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông, Hồi Xuân, Nam Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt, Thiên Phú, Quan Sơn, Trung Hạ, Na Mèo, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi; hỗ trợ 0,7 tỷ đồng/ha đối với các dự án đầu tư nằm trên địa bàn các xã thuộc khu vực miền núi còn lại. Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết này);

+ Hợp đồng thuê đất (bản sao chứng thực).

+ Hồ sơ dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (bản sao)

b) Hỗ trợ thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi:

- Đối tượng hỗ trợ:

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các xã thuộc khu vực miền núi.

- Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi bảo đảm các điều kiện sau:

+ Dự án chưa được hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

+ Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã thuộc khu vực miền núi ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Lao động làm việc (ít nhất 50% lao động là người miền núi của tỉnh) được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn và đóng bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại doanh nghiệp, có việc làm từ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề xuất hỗ trợ.

- Nội dung hỗ trợ:

Doanh nghiệp được hỗ trợ một lần kinh phí thu hút lao động. Trường hợp đầu tư mở rộng, thu hút lao động thêm thì được tính như đầu tư mới.

- Mức hỗ trợ:

Tổng số lao động được hỗ trợ lớn nhất bằng tổng số lao động theo công suất tối đa của dự án và không quá 02 tỷ đồng/dự án, cụ thể như sau:

+ Đối với các dự án đầu tư có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn các xã khu vực miền núi: Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thăng Lộc, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Yên Nhân, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư, Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông, Hội Xuân, Nam Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt, Thiên Phú, Quan Sơn, Trung Hạ, Na Mèo, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi sử dụng từ 50 lao động đến 100 lao động, được hỗ trợ 01 triệu đồng/người; sử dụng từ trên 100 lao động đến 500 lao động, được hỗ trợ 1,2 triệu đồng/người; sử dụng từ trên 500 lao động trở lên, được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người.

+ Đối với các dự án đầu tư nằm trên địa bàn các xã thuộc khu vực miền núi còn lại: Sử dụng từ 100 lao động đến 500 lao động, được hỗ trợ 0,5 triệu đồng/người; sử dụng từ trên 500 lao động đến 1000 lao động, được hỗ trợ 0,7 triệu đồng/người; sử dụng trên 1000 lao động trở lên, được hỗ trợ 1 triệu đồng/người.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết này);

+ Danh sách lao động đã ký hợp đồng không xác định thời hạn với doanh nghiệp, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên, trong đó, thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm ký hợp đồng, địa chỉ thường trú của lao động và có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở (bản gốc)”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề;
- Làng nghề phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

c) Nội dung:

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ một phần kinh phí để du nhập nghề mới tạo thành làng nghề hoặc khôi phục được làng nghề, được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 0,5 tỷ đồng/làng nghề.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân (theo Mẫu 2, ban hành kèm theo Nghị quyết này).”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Đối với chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; chính sách hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi được thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ bản scan trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện thẩm định hồ sơ, đồng thời, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án (CCN hoặc dự án sản xuất) cung cấp thông tin tiến độ thực hiện dự án (đã hoàn thành hoặc đi vào sản xuất). Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời rõ về việc CCN đã hoàn thành hay chưa hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật; nhà máy đã đi vào sản xuất hoặc chưa đi vào sản xuất gửi Sở Công Thương.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Công Thương tổng hợp kết quả thẩm định gửi kèm hồ sơ, tài liệu liên quan gửi Sở Tài Chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ, gửi Sở Tài chính và Sở Công Thương.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban đầu để trả kết quả cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành”.

#### 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Đối với chính sách hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiêu thủ công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Tổ chức/cá nhân nộp trực tiếp (hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ bản scan trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có làng nghề để xem xét giải quyết.

b) Trong thời gian 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan trong đó có Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề gửi Sở Tài Chính; trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo bổ sung có mục tiêu

của Sở Tài chính thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành”

8. Sửa đổi “Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa” ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành “*Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã thuộc khu vực miền núi của tỉnh Thanh Hóa*” ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Mẫu đơn số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

10. Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Mẫu đơn số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2025.*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở: Công thương, Tài chính, Tư pháp;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**



**Lại Thế Nguyên**



**DANH MỤC**

**Các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã thuộc khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa**  
(Kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Lĩnh vực đầu tư	Quy mô đầu tư
1	Dự án dệt may, da giày	Công suất từ 0,5 triệu SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng từ 300 lao động trở lên.
2	Dự án sản xuất đồ mộc gia dụng	Công suất từ 1.000 SP/năm trở lên, thu hút, sử dụng 50 lao động trở lên.
3	Dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	Sử dụng từ 50 lao động trở lên.
4	Nhà máy sản xuất dược liệu	Công suất từ 3.000 tấn SP sơ chế/năm trở lên
5	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công suất từ 15 triệu viên/năm trở lên; riêng các xã khu vực miền núi Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Yên Nhân, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư, Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông, Hội Xuân, Nam Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt, Thiên Phú, Quan Sơn, Trung Hạ, Na Mèo, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi: dự án có công suất từ 10 triệu viên/năm trở lên.
6	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học	Công suất từ 15.000 tấn/năm trở lên; riêng các xã khu vực miền núi Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lương Sơn, Bát Mọt, Yên Nhân, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư, Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông, Hội Xuân, Nam

		Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Trung Thành, Trung Sơn, Hiền Kiệt, Thiên Phú, Quan Sơn, Trung Hạ, Na Mèo, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mừng Mìn, Sơn Thủy, Mừng Lát, Mừng Chanh, Mừng Lý, Nhi Sơn, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi: dự án có công suất từ 10.000 tấn/năm trở lên.
7	Các dự án chế biến nông lâm sản	Công suất từ 50 tấn SP/ngày trở lên.

Đơn vị đề nghị hỗ trợ (Chủ đầu tư/doanh nghiệp)

Số:



Mẫu số 1  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

(Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp... hoặc đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã thuộc khu vực miền núi hoặc thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi)

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026; Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

...(Tên đơn vị)... đề nghị hỗ trợ: (Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp... hoặc đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã thuộc khu vực miền núi hoặc thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi), với các thông tin chính như sau:

#### **I. Thông tin đơn vị đề nghị hỗ trợ**

- Tên đơn vị:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ....do ... cấp ngày .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....Chức danh:.....
- Thông tin về số tài khoản nhận kinh phí hỗ trợ:.....

#### **II. Thông tin dự án đề nghị hỗ trợ**

1. Tên dự án: .....
2. Địa chỉ dự án:.....
3. Diện tích thuê đất:.....
4. Tổng vốn đầu tư:.....
5. Lĩnh vực sản xuất:.....
6. Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư của dự án: Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số ....ngày....tháng....năm...của....

7. Thông tin về Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư: Dự án được phê duyệt tại Quyết định số ....ngày....tháng....năm...của....

8. Dự án được thành lập tại Quyết định số...ngày...tháng...năm...của.. (đối với dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp)

9. Thông tin về quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án: được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số ....ngày....tháng....năm...của....

10. Dự án đã hoàn thành/chưa hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất:..... (ghi rõ *đã hoàn thành* hoặc *chưa hoàn thành* đối với dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp)

11. Nhà máy đã đi vào sản xuất/chưa đi vào sản xuất..... (ghi rõ *đã đi vào sản xuất* hoặc *chưa đi vào sản xuất* đối với dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã thuộc khu vực miền núi)

12. Khái quát các hạng mục đã hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng:.....

13. Nội dung đề nghị hỗ trợ: Đề nghị được hỗ trợ chính sách (Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hoặc đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã thuộc khu vực miền núi hoặc thu hút lao động tại các xã thuộc khu vực miền núi) theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ...tháng ...năm 2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

### III. Hồ sơ kèm theo:

(Ghi rõ thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)

Đơn vị cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị hỗ trợ này./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND xã...;
- Lưu:...

#### Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, dấu)



Mẫu số 2

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ  
(TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**  
**Phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp**

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026; Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

...(Tên tổ chức/cá nhân)...đề nghị hỗ trợ Phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, với các thông tin chính như sau:

**I. Thông tin tổ chức/cá nhân đề nghị hỗ trợ**

- Đối với tổ chức:

+ Tên tổ chức:.....

+ Địa chỉ trụ sở chính: .....

+ Người đại diện theo pháp luật:.....Chức danh:.....

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ....do ...cấp ngày ...(nếu có)

- Đối với cá nhân:

+ Họ tên:.....

+ Số Căn cước công dân: ....Ngày cấp: ....; Nơi cấp: .....

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

+ Chỗ ở hiện tại: .....

- Thông tin về số tài khoản nhận kinh phí hỗ trợ:.....

**II. Thông tin dự án đề nghị hỗ trợ**

1. Tên làng nghề: .....

2. Địa chỉ làng nghề:.....

3. Thông tin về Quyết định công nhận làng nghề: Được công nhận làng nghề tại Quyết định số....ngày...tháng...năm....của....

4. Lĩnh vực sản xuất:.....

5. Tổng số lao động đang làm việc trong làng nghề:.....

6. Nội dung đề nghị hỗ trợ: Đề nghị được hỗ trợ chính sách Phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh.

### **III. Hồ sơ kèm theo:**

*(Ghi rõ thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)*

Tổ chức/cá nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị hỗ trợ này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND xã.....;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Lưu:...

**Người đại diện tổ chức theo pháp luật/cá nhân**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên)*